

NHỮNG BÀI VĂN MẪU HAY LỚP 11

Bài 1

Đề bài: Bình giảng bài thơ Tương tư của Nguyễn Bính.

Tương tư là một trong những bài thơ tiêu biểu cho tâm hồn và phong cách nghệ thuật của Nguyễn Bính. Bài thơ viết về một đề tài khá quen thuộc trong đời sống và văn chương: sự tương tư, tức một trạng thái tình cảm nam nữ khi yêu nhau, hoặc phải xa cách, hoặc không được đáp lại. Nhà thơ lại sáng tác bằng thể thơ cũng rất quen thuộc – lục bát.

Song, đề bài thơ có thể sống dài lâu trong lòng bạn đọc không phải là chuyện dễ. Tương tư của Nguyễn Bính vừa có vẻ thân quen như một làn điệu dân ca khiến bao người thuộc lòng. Thậm chí trở thành một bài hát ru em, vừa mang tâm tình mới của lớp thanh niên thời bấy giờ. Nói cách khác, Tương tư cũng như rất nhiều bài thơ khác của Nguyễn Bính trước năm 1945, đậm đà chất dân tộc, trong điệu tâm hồn, cả trong lối diễn đạt, nhưng lại là tiếng thơ của một thời đại mới. Vì thế, khi bình giảng cần biết rằng Tương tư là nỗi nhớ, là tâm trạng của một chàng trai đối với một cô gái. Cô gái ấy vô tình, hay hữu ý không biết nỗi lòng ấy. Tình cảm của chàng trai rất đổi tha thiết. Tương tư là một thứ bệnh của tình yêu. Chàng trai ấy đang mang bệnh đó. Anh ta buồn, anh ta nhớ, anh ta thao thức và cả trách móc nữa, nhưng là sự trách móc của một người đang yêu nên cũng rất đáng yêu:

Bảo rằng cách trở dò giang,

Không sang là chẳng đường sang đã đành.

Nhưng đây cách một đầu đình

Có xa xôi mấy mà tình xa xôi

Nhà em một gian giàn giầu,

Nhà anh có một hàng cau liên phòng.

Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,

Cau thôn Đoài nhớ giàu không thôn nào?

Khi bình giảng lại lần theo tâm trạng đó. Tuy nhiên, không phải là sự diễn xuôi, kể lại (vì có gì đáng kể đâu) mà để thay từng cung bậc tình cảm trong trái tim chàng trai đang tương tư.

Tương tư là bài thơ tình yêu, bài thơ diễn tả nỗi tương tư. Thành công của nó ở chỗ bao tâm hồn đã tìm thấy ở đó sự đồng điệu, tiếng thơ. Điều này tưởng chừng bình thường, đơn giản, song thật ra không phải ai cũng làm được. Nhiều bài thơ tuy rất hay, rất nổi tiếng, nhưng người ta nhận ra trước hết đó là nỗi lòng rất đơn chiếc của một người, và nếu có chỉ là tiếng lòng của một số người, một bộ phận tương đối hẹp nào đó. Chẳng hạn:

Ai bảo em là giai nhân

Cho đời anh sầu khổ?

Ai bảo em ngồi bên cửa sổ

Cho vương vীu nợ thi nhân.

(Luu Trọng Lư – Một mùa đông) hoặc:

Chửa biết tên nàng, biết tuổi nàng,

Mà sầu trong dạ đã mang mang.

Tình yêu như bóng trăng hiu quạnh,

Lạnh lẽo đêm trường, giải gió'sương.

(Luu Trọng Lư – Một chút tình)

Thơ Nguyễn Bính, ở Tương tư, cũng như nhiều bài thơ khác, không phải vậy. Rất đông thanh niên, nhất là những người bình thường, thời bấy giờ và sau đó nữa, tìm thấy sự đồng điệu ở thơ ông. Có được như vậy, trước hết là do thơ Nguyễn Bính có nhiều hình ảnh quen thuộc của thế giới ruộng đồng, dân dã (Ở bài thơ này là: bướm, hoa, thôn

Đoài, thôn Đồng, đình làng, bến đò, hàng cau, giàn trâu,...). Dường như tiếng nói trong thơ Nguyễn Bính được cất lên từ chính thế giới thân thuộc đó, là một phần của thế giới ấy, chứ không là sự vay mượn. Thành ra lời diễn đạt cũng thế. Nó mang dáng vẻ mộc mạc, chân thành, bình dị (Ngày qua ngày lại qua ngày / Bao giờ bến mới gặp đò? / Nhà em có một giàn giầu...). Và dĩ nhiên, đây là hình thức thể hiện của một cái khác, sâu xa hơn, ở thơ Nguyễn Bính, đó chính là tình quê, hồn quê thấm đẫm trong tâm hồn nhà thơ. Chính cái tình, cái hồn ấy làm nên sự quen thuộc, gần gũi và thân thiết của thơ Nguyễn Bính đối với bao người Việt Nam, dù ở bất cứ thời đại nào.

Bài 2

Đề bài: Bình giảng bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh

Sóng của Xuân Quỳnh là tiếng nói của một tâm hồn thiếu nữ đang trong độ tuổi hai mươi, tiếng nói của một trái tim chân thành và đam mê, luôn rực cháy chất trẻ trung mãnh liệt, khao khát được sống hết mình và yêu hết mình:

Dữ dội và dịu êm

Ồn ào và lặng lẽ

Sông không hiểu nổi mình

Sóng tìm ra tận bể.

Ba hình ảnh sông, sóng, bể như là những chi tiết bổ sung cho nhau: sông và bể làm nên đời sóng, sóng chỉ thực sự có đời sống riêng khi ra với biển khơi mênh mang thăm thẳm. Tất cả các khía cạnh tương phản dữ dội – dịu êm, ồn ào – lặng lẽ tạo nên một cái nhìn bao quát về sóng. Mạch sóng mạnh mẽ như bút phá không gian chật hẹp để khát khao một không gian lớn lao. Hành trình tìm ra tận bể chất chứa sức sống tiềm tàng, bền bỉ để vươn tới giá trị tuyệt đỉnh của chính mình.

Trên hành trình ấy, điểm xuất phát của sóng tưởng chừng đã được lí giải rõ ràng: sóng bắt đầu từ gió. Nhưng rồi những băn khoăn cứ nối tiếp cho đến lúc không thể giải đáp (và cũng không cần giải đáp) bằng lí trí, đó cũng là lúc tầng tầng lớp lớp nghĩa của sóng hiện ra: con sóng của biển khơi tạo ra sóng thơ, con sóng thơ dào dạt của tâm hồn làm xuất hiện con sóng của tình yêu bất tận. Và khi đã thành sóng tình thì không bao giờ có thể lí giải được khi nào ta yêu nhau? Những liên tưởng điệp trùng dào dạt đã nối kết được con người với không gian biển khơi.

Gắn với thế giới riêng tư của Anh và Em là cặp hình ảnh sóng – bờ:

Con sóng dưới lòng sâu

Con sóng trên mặt nước

Ôi con sóng nhớ bờ

Ngày đêm không ngủ được

Lòng em nhớ đến anh

Cả trong mơ còn thức.

Con sóng Xuân Quỳnh sâu kín, tinh tế trong một nỗi nhớ cháy lòng của tình yêu. Nỗi nhớ gói gọn trong thời gian của một ngày đêm nhưng đủ sức dồn nén dung lượng tình yêu của cả một đời người. Nỗi nhớ không chỉ có mặt trong thời gian được ý thức mà còn gắn với tiềm thức – thời gian trong mơ vị ngọt ngào mê đắm của tình yêu lan tỏa trong cách nói nghịch lí trong mơ còn thức. Thế giới của Anh và Em không giới hạn chiều dài Bắc – Nam, không khoanh vùng địa bàn mà nơi nào cũng có nỗi nhớ thường trực của tình yêu vĩnh viễn. Xuân Quỳnh đã tiếp nhận nỗi nhớ ấy bằng tất cả sự nhạy cảm của lứa tuổi đôi mươi và khẳng định cho một cái tôi của con người luôn vững tin ở tình yêu.

Hành trình Tình Yêu cũng là hành trình tự thử thách của lòng kiên trì bền bỉ để đạt mục đích của mỗi cá nhân. Cái nhìn về cuộc đời của Xuân Quỳnh thật nhân hậu và nồng nàn:

Làm sao được tan ra

Thành trăm con sóng nhỏ

Giữa biển lớn tình yêu

Để ngàn năm còn vỗ.

Cuộc đời là biển lớn tình yêu, kết tinh vị mặn ân tình, được tạo nên và hòa lẫn cùng trăm con sóng nhỏ. Trong quan niệm của nhà thơ, số phận cá nhân không thể tách khỏi cộng đồng. Sóng không phải là biểu tượng của một cái tôi ngạo nghễ và cô đơn như thơ lãng mạn. Khát vọng lớn nhưng trong cách nói Xuân Quỳnh lại rất khiêm nhường: trăm con sóng nhỏ như là sự tổng hòa những vẻ đẹp khác nhau để tạo thành biển lớn. Mỗi một quan hệ riêng tư sẽ làm đẹp thêm cho lẽ sống thời đại "Người yêu người, sống để yêu nhau" (Tố Hữu). Đó không chỉ là tinh thần của con người thời đại chống Mỹ mà còn là âm vang của một tâm lòng luôn tha thiết với sự sống, với tình yêu.

Trong biển lớn tình yêu cuộc đời hôm nay, đã có biết bao con sóng đã tới bờ, đang tới bờ và tìm về bờ. Tình yêu vẫn luôn luôn là đề tài hấp dẫn với mọi lứa tuổi, để mọi người đi tìm những lời giải đáp cho ẩn số tình yêu trong một hành trình tìm kiếm không mệt mỏi. Sóng của Xuân Quỳnh vẫn vỗ những nhịp yêu thương, giúp những người đang yêu thêm tự tin vào chính mình, bởi thế giới của Anh và Em cũng là thế giới của những con người biết tìm ra ý nghĩa của sự sống thiêng liêng. Sóng là được yêu, Yêu là Sóng hết mình với cuộc đời.

Bài 3

Đề bài: Anh (chị) hãy viết một bài văn nghị luận xã hội khoảng 600 từ với đề tài Giờ trái đất.

Có một khoảnh khắc mà cả thế giới không một ánh đèn. Có một khoảnh khắc mà cả thế giới cùng làm một công việc ý nghĩa. Giờ Trái Đất – đó là 60 phút mà toàn thế giới tắt đèn nhưng là để bật tương lai, một tương lai về Trái Đất xanh, sạch và đẹp hơn.

Lần đầu tiên được tổ chức vào năm 2007 do Quỹ bảo tồn thiên nhiên thế giới WWF phát động tại thành phố Sydney, Australia, Giờ Trái Đất cho đến nay đã trở thành một sự kiện đầy ý nghĩa lôi cuốn hàng triệu người tham gia. Giờ Trái Đất được tổ chức hằng năm vào ngày thứ bảy cuối cùng của tháng 3. Trong ngày này, các thành phố trên thế giới đăng kí tham gia vào Giờ Trái Đất sẽ lần lượt tổ chức tắt điện từ 20 giờ đến 21 giờ theo giờ địa phương. Không chỉ mang ý nghĩa trong việc giảm lượng điện tiêu thụ trong một giờ đồng hồ diễn ra sự kiện, Giờ Trái Đất đề cao việc tiết kiệm điện năng nói riêng cũng như năng lượng nói chung.

Như chúng ta đã biết, loài người đang đứng trước một thử thách to lớn: các nguồn tài nguyên trên trái đất là có hạn. Nhiều tài nguyên như dầu mỏ, than đá... đang dần bị cạn kiệt. Trong khi đó loài người đang sử dụng tài nguyên một cách bất hợp lí, thậm chí vô cùng lãng phí. Giờ Trái Đất ra đời chính là để nâng cao ý thức của con người về việc sử dụng hợp lí tiết kiệm các nguồn năng lượng không thể tái tạo. Việc làm này không chỉ giúp duy trì nguồn tài nguyên mà còn giảm tối đa lượng khí thải trong môi trường.

Hằng ngày, việc lạm dụng các thiết bị điện, nhiệt đang thải ra bầu khí quyển nhiều loại khí độc hại. Các loại khí này đang phá huỷ tầng ôzôn, gây nên hiệu ứng nhà kính làm trái đất nóng lên kèm theo những hậu quả mà chúng ta không thể lường trước được.

Chính vì vậy, việc tắt đèn tiết kiệm năng lượng chính là để bảo vệ cuộc sống của mỗi chúng ta khỏi những thảm hoạ thiên nhiên đang ngày càng mạnh hơn, dữ dội hơn.

Nhưng trên tất cả, Giờ Trái Đất ra đời đã tác động mạnh mẽ đến ý thức của mỗi con người. Trong khát vọng tri thức, loài người chúng ta đã và vẫn đang không ngừng vươn trở với câu hỏi tại sao có chúng ta và chúng ta từ đâu tới. Nhưng phải chăng đã đến lúc

chúng ta phải tự đặt ra câu hỏi rằng loài người sẽ đi về đâu, Trái Đất sẽ đi về đâu khi nó đang hàng ngày phải gồng mình gánh chịu hàng trăm tấn khí thải, những dòng sông đen, những vùng biển chết... Tất cả sự thật đó khiến con người phải giật mình tự hỏi mình đã, đang và sẽ phải làm gì, làm như thế nào để cứu vớt cuộc sống của chính mình, cứu vớt Trái Đất – mái nhà chung của nhân loại. “Chỉ với một hành động nhỏ bạn đang chung tay cứu cả thế giới”. Đó chính là khẩu hiệu của Giờ Trái Đất cùng là câu trả lời những ai đang băn khoăn về việc mình sẽ làm gì cho hành tinh này. Hãy tắt đèn, tiết kiệm năng lượng, giảm khí thải ra môi trường, là chúng ta đang cùng nhau bảo vệ trái đất thân yêu! Đồng thời Giờ Trái Đất còn cho mỗi người nhận ra rằng mình không hề đơn độc, không hề lẻ loi. Ta biết rằng trong thế giới rộng lớn có những con người bằng những hành động nhỏ bé của mình đang cùng nhau giữ lấy màu xanh cho Trái Đất. Chính vì vậy, Giờ Trái Đất không chỉ là 60 phút tắt đèn của thế giới. Hơn thế nó thực sự là 60 phút lung linh. Lung linh vì loài người đã và đang ý thức được trách nhiệm của mình trước những lời kêu gọi ngày càng khẩn thiết của Trái Đất.

Dù mới chỉ là năm thứ ba được tổ chức nhưng Giờ Trái Đất đã thực sự trở thành một ngày hội của loài người tiến bộ nhằm phát đi một thông điệp mạnh mẽ: Hãy bảo vệ môi trường. Năm 2007 là năm đánh dấu sự ra đời của Giờ Trái Đất với chỉ một thành phố tham gia là Sydney. Thế nhưng, trong ngày 29-3-2008, đã có 371 thành phố của 35 quốc gia cùng hưởng ứng sự kiện này. Rất nhiều hoạt động có ý nghĩa đã được tổ chức nhằm khuyến khích mọi người tiết kiệm năng lượng bảo vệ môi trường. Ở thủ đô Tel Aviv, Israel, một buổi biểu diễn ngoài trời với năng lượng chỉ bằng máy quay tay đã được tổ chức. Tại công viên Phoenix, Dublin người ta đã dựng một kính thiên văn cỡ lớn cho mọi người ngắm sao trong Giờ Trái Đất. Đặc biệt Giờ Trái Đất còn có sự tham gia của nhiều nguyên thủ quốc gia, các nhân vật hàng đầu thế giới như Nữ hoàng Đan Mạch, chủ tịch WWF... Tất cả đã minh chứng cho một thế giới sẵn sàng hợp tác để biến những lời kêu gọi thành hành động mang tính chất thông điệp: Tắt đèn, bật tương lai. Tinh thần ấy lại càng được thể hiện rõ hơn trong Giờ Trái Đất diễn ra từ 20 giờ đến 21 giờ ngày 28 – 3 – 2009. Đã có tới 1539 thành phố trên khắp thế giới đăng kí tham

gia sự kiện này, một con số ít ai ngờ tới khi kết thúc Giờ Trái Đất 2008. Có thể nói đây là một trong những chiến dịch vận động bảo vệ môi trường lớn nhất từ trước đến nay mà loài người được chứng kiến. Châu Âu là châu lục đầu tiên tham gia Giờ Trái Đất. Lần lượt tháp Eiffel cùng kinh đô ánh sáng Paris rồi cả tháp nghiêng Pisa, Italia chìm trong bóng tối. Tại châu Phi, Kim tự tháp Kê-ốp cũng lần đầu tiên mất hút trong bóng đêm của hoang mạc Ai Cập để hưởng ứng chiến dịch. Ở châu Á, chính quyền thành phố Bắc Kinh lại bày tỏ sự ủng hộ tới giờ Trái Đất bằng cách cho tắt toàn bộ hệ thống chiếu sáng của sân vận động Tổ chim. Và dù phải đợi đến gần 12 giờ đồng hồ sau nhưng châu Mỹ cũng bước vào Giờ Trái Đất với nhiều hoạt động có ý nghĩa. Tại New York, Hoa Kỳ, Liên hợp quốc cũng cho tắt điện trụ sở của mình để chính thức phát đi thông điệp: Cộng đồng quốc tế sẽ cùng nhau hành động để bảo vệ Trái Đất – ngôi nhà chung của nhân loại.

Sự thành công của Giờ Trái Đất còn có sự đóng góp lớn của cộng đồng cư dân mạng. Trong 60 phút của Giờ Trái Đất đã có rất nhiều màn hình trang web, blog... chuyển sang màu đen hoặc màu sẫm như một biểu tượng cho việc ủng hộ Giờ Trái Đất. Cùng với đó, thông tin về Giờ Trái Đất đã được tuyên truyền rộng rãi qua các kênh truyền hình hàng đầu thế giới như BBC, CNN, NBC... Theo một ước tính, trong vòng 24 giờ trước khi diễn ra Giờ Trái Đất, mỗi giây cụm từ Giờ Trái Đất được nhắc tới 300 lần. Đã có 1,5 triệu mạng xã hội ủng hộ, 3 triệu lượt người xem truyền hình trực tiếp và video về Giờ Trái Đất. Những con số đầy ấn tượng đó đã cho thấy sức lan toả mạnh mẽ của sự kiện Giờ Trái Đất, chứng tỏ ý thức của con người trước những vấn đề toàn cầu.

Năm 2009 cũng đánh dấu lần đầu tiên Việt Nam tham gia Giờ Trái Đất. Đã có tới 5 thành phố chính thức đăng kí tham gia sự kiện. Đúng 20h30 phút ngày 28 – 3 – 2009, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải cùng Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã tắt chiếc công tắc tượng trưng và tắt cả các bóng đèn xung quanh Nhà hát lớn cũng vụt tắt. Thế nhưng màn đêm không kéo dài được bao lâu khi mà hàng ngàn cây nến đã được các bạn trẻ thắp nên tạo một không khí lung linh, kì ảo. Ngay sau đó, các danh thắng nổi tiếng như đền Ngọc Sơn, Trung tâm hội nghị Quốc gia, sân vận động Mỹ Đình, hồ

Hoàn Kiếm, Hồ Tây cũng lần lượt chìm vào trong bóng tối. Ánh nến cũng đã thay thế cho ánh điện tại nhiều thành phố trên khắp cả nước như Nha Trang, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... Ngay trên bãi biển thơ mộng, các bạn trẻ thành phố biển Nha Trang đã cùng nhau nhảy múa xung quanh những ánh lửa bập bùng. Qua đó những tình bạn “xanh” đã được kết nối để cùng nhau giữ lấy màu xanh cho đất nước, quê hương. Nhưng đặc biệt nhất phải kể đến Hội An, nơi mà ngày 14 âm lịch hàng tháng đều tắt điện, mọi nhà thắp nến, đèn lồng. Không chỉ vậy người dân còn đi thuyền ra thả hoa đăng trên sông Hoài tạo nên một khung cảnh làng mạn cuốn hút du khách. Hình ảnh đó không chỉ mang ý nghĩa bảo tồn giá trị văn hoá dân tộc mà còn góp phần bảo vệ môi trường, để lại một ấn tượng khó phai mờ trong mắt bạn bè quốc tế. Qua đó, chúng ta đã chứng tỏ một cách mạnh mẽ rằng: Việt Nam sẵn sàng hợp tác với cộng đồng quốc tế để giải quyết vấn đề mang tính chất toàn cầu bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu.

Hiện tượng Giờ Trái Đất không chỉ mang ý nghĩa xã hội to lớn mà còn có tác dụng giáo dục tư tưởng lối sống đóng dẫn tích cực cho thế hệ trẻ. Những em bé mẫu giáo đã cùng nhau vẽ nên bức tranh trái đất lung linh giữa muôn ngàn vì sao để gửi tặng cho các anh chị tuyên truyền viên. Đứa em tôi đang học lớp 4 dù có buổi học thêm vào tối thứ 7 vẫn dặn đi dặn lại bố mẹ phải tắt điện. Hôm nay, đó có thể vẫn chỉ là ước mơ, là ý thức mà các em có được qua những lời dạy dỗ của thầy cô. Nhưng ngày mai chính các em sẽ thay đổi thế giới, xây dựng nên một hành tinh xanh như chúng ta hằng mong muốn. Giờ Trái Đất ra đời còn góp phần nâng cao ý thức cộng đồng cho các bạn trẻ. Họ là những sinh viên đã đi đến từng nhà hàng, quán ăn để dán áp-phích tuyên truyền cho Giờ Trái Đất. Họ là những “greenagers” của trường Hà Nội – Amsterdam đã tổ chức “Ngày màu xanh” tắt điện vào giờ ra chơi 20 phút của ngày thứ 6 hàng tuần. Tất cả, bằng những hành động nhỏ bé đang chứng minh cho một thế hệ trẻ biết quan tâm và sẵn sàng hành động vì những vấn đề xã hội.

Có người bạn đã nói rằng: “Ước gì một năm không chỉ có một Giờ Trái Đất”. Đúng thế, nhưng tại sao chúng lại không biến thành phố mình thành một Hội An thứ hai? Tại sao trường chúng ta không có những “greenagers” để cùng nhau tạo nên những không gian

xanh xung quanh mình. Hãy mang Giờ Trái Đất về thành phố bạn, ngôi trường của bạn!
Hãy cùng nhau tắt đèn, bật tương lai!

Bài 4

Đề bài: Bình giảng bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương.

Thơ xưa viết về người vợ đã ít, mà viết về người vợ khi còn sống càng hiếm hoi hơn. Các thi nhân thường chỉ làm thơ khi người bạn trăm năm đã qua đời. Kể cũng là điều nghiệt ngã khi người vợ đi vào cõi thiên thu mới được bước vào địa hạt thi ca.

Bà Tú Xương có thể đã phải chịu nhiều nghiệt ngã của cuộc đời nhưng bà lại có niềm hạnh phúc mà bao kiếp người vợ xưa không có được: Ngay lúc còn sống bà đã đi vào thơ ông Tú Xương với tất cả niềm thương yêu, trân trọng của chồng. Trong thơ Tú Xương, có một mảng lớn viết về người vợ mà bài Thương vợ là một trong những bài xuất sắc nhất.

Tình thương vợ sâu nặng của Tú Xương thể hiện qua sự thấu hiểu nỗi vất vả gian lao và phẩm chất cao đẹp của người vợ.

Câu thơ mở đầu nói hoàn cảnh làm ăn buôn bán của bà Tú. Hoàn cảnh vất vả, lam lũ được gợi lên qua cách nói thời gian, cách nêu địa điểm. Quanh năm là suốt cả năm, không trừ ngày nào dù mưa hay nắng. Quanh năm còn là năm này tiếp năm khác đến chóng mặt, đến rã rời chứ đâu phải chỉ một năm. Địa điểm bà Tú buôn bán là mom sông, cái doi đất nhô như lời giới thiệu, lại như một bối cảnh làm hiện lên hình bà Tú tần tảo, vất vả ngược xuôi:

Quanh năm buôn bán ở mom sông.

Thấm thía nỗi vất vả, gian lao của vợ, Tú Xương mượn hình ảnh con cò trong ca dao để nói về bà Tú. Có điều hình ảnh con cò trong ca dao đầy tội nghiệp mà hình ảnh con cò trong thơ Tú Xương còn tội nghiệp hơn. Con cò trong thơ Tú Xương không chỉ xuất hiện trong cái rộn ngợp của không gian (như con cò trong ca dao) mà cái rộn ngợp của thời gian. Chỉ bằng ba từ khi quăng vẳng, tác giả đã nói lên được cả thời gian, không gian heo hút, rộn ngợp, chứa đầy lo âu cái rộn ngợp của thời gian, đã làm hao hụt cả ý thơ. So với câu ca dao: Con cò lặn lội bờ sông, câu thơ của Tú Xương:

Lặn lội thân cò khi quăng vẳng.

Là cả một sự sáng tạo. Cách đảo ngữ – đưa ra từ lặn lội lên đầu câu, cách thay từ – thay từ con cò bằng thân cò, càng làm tăng nỗi vất vả gian truân của bà Tú. Từ thân cò gợi cả nỗi đau thân phận, so với từ con của Tú Xương cũng sâu sắc, thấm thía hơn.

Nếu câu thơ thứ ba gợi nỗi vất vả đơn chiếc thì câu thứ tư lại làm rõ sự vật lộn với cuộc sống của bà Tú:

Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

Câu thơ gợi cảnh chen chúc, bươn chải trên sông nước của những người buôn bán nhỏ. Sự cạnh tranh chưa đến mức sát phạt nhau nhưng cũng không thiếu lời qua tiếng lại. Buôi dò đông đâu phải là ít lo âu, nguy hiểm hơn khi quăng văng. Trong ca dao, người mẹ từng dặn con rằng:

Con ơi nhớ lấy câu này

Sông sâu chớ lội, đò đầy chớ qua.

Buổi dò đông không chỉ có những lời phàn nàn, mè nheo, cáu gắt, những sự chen lấn, xô đẩy mà còn chứa đầy bất trắc hiểm nguy. Hai câu thực đối nhau về ngữ (khi quăng văng đối với buổi dò đông) nhưng lại thừa tiếp nhau về ý để làm nổi bật sự vất vả gian truân của bà Tú: đã vất vả, đơn chiếc, lại thêm sự bươn chải trong hoàn cảnh chen chúc làm ăn. Hai câu thực nói thực cảnh bà Tú đồng thời cho ta thấy thực tình của Tú Xương, đó là tấm lòng xót thương da diết.

Cuộc sống vất vả gian truân càng ngời lên phẩm chất cao đẹp của bà Tú. Bà là người đảm đang tháo vát:

Nuôi đủ năm con với một chồng.

Mỗi chữ trong câu thơ Tú Xương đều chất chứa bao tình ý, từ đủ trong nuôi đủ vừa nói số lượng, vừa nói chất lượng. Bà Tú nuôi đủ cả con, cả chồng, nuôi đảm bảo đến mức:

Cơm hai bữa: cá kho rau muống

Quà một chiều: khoai lang, lúa ngô

(Thầy đồ dạy học)

Trong hai câu luận, Tú Xương một lần nữa cảm phục sự hy sinh rất mực của vợ:

Năm nắng mười mưa dám quản công

Ở câu thơ này, nắng mưa chỉ sự vất vả, năm mười là số lượng phiếm chỉ, để nói số nhiều, được tách ra tạo nên một thành ngữ chéo (năm nắng mười mưa) vừa nói lên sự vất vả gian lao, vừa thể hiện được đức tính chịu thương chịu khó, hết lòng vì chồng vì con của bà Tú.

Trong những bài thơ viết về vợ của Tú Xương, bao giờ ta cũng bắt gặp hình ảnh hai người: bà Tú hiện lên phía trước, ông Tú khuất lấp ở phía sau, nhìn tinh mới thấy. Khi đã thấy rồi thì ấn tượng thật sâu đậm. Ở bài thơ thương vợ cũng vậy. Ông Tú không xuất hiện trực tiếp nhưng vẫn hiển hiện trong từng câu thơ. Đằng sau cốt cách khôi hài, trào phúng là cả một tấm lòng, không chỉ thương mà còn tri ân vợ. Về câu thơ Nuôi đủ năm con với một chồng, có người cho rằng ở đây ông Tú tự coi mình là một thứ con đặc biệt để bà Tú phải nuôi. Tú Xương đã không gộp mình với con để nói mà tách riêng, con riêng rất rạch ròi là để ông tự riêng tri ân vợ.

Nhà thơ không chỉ cảm phục, biết ơn sự hi sinh rất mực của vợ mà ông còn tự trách, tự lên án bản thân. Ông không dựa vào duyên số để trút bỏ trách nhiệm. Bà Tú lấy ông là do duyên nhưng duyên một mà nợ hai. Tú Xương tự coi mình là cái nợ mà bà Tú phải gánh chịu. Nợ gấp đôi duyên, duyên ít nợ nhiều, ông chửi thói đời bạc bẽo, vì thói đời là một nguyên nhân sâu xa khiến bà Tú phải khổ. Nhưng Tú Xương cũng không đổ vấy cho thói đời. Sự hờ hững của ông với con cũng là một biểu hiện của thói đời bạc bẽo. Câu thơ Tú Xương tự rửa mặt mình cũng là lời tự phán xét, tự lên án:

Có chồng hờ hững cũng như không

Ở cái thời mà xã hội đã có luật không thành văn đối với người phụ nữ: xuất giá tòng phu (lấy chồng theo chồng), đối với mối quan hệ vợ chồng thì phu xướng, phụ tùy (chồng nói, vợ theo), thế mà có một nhà nho dám sòng phẳng với bản thân, với cuộc đời, dám tự thừa nhận mình là quán ăn lương vợ, không những đã biết nhận ra thiếu sót, mà còn dám tự nhận khuyết điểm. Một con người như thế chẳng đẹp lắm sao.

Nhan đề Thương vợ chưa nói hết sự sâu sắc trong tình cảm của Tú Xương đối với vợ cũng như chưa thể hiện được đầy đủ vẻ đẹp nhân bản của hồn thơ Tú Xương. Ở bài thơ này, tác giả không chỉ thương vợ mà còn ơn vợ, không chỉ lên án thói đời mà còn tự trách.

Nhà thơ dám tự nhận khuyết điểm, càng thấy mình khiếm khuyết càng thương yêu, quý trọng vợ hơn.

Tình thương yêu, quý trọng vợ là cảm xúc có phần mới mẻ so với những cảm xúc quen thuộc trong văn học trung đại. Cảm xúc mới mẻ đó lại được diễn tả bằng hình ảnh và ngôn ngữ quen thuộc của văn học dân gian, chứng tỏ hồn thơ Tú Xương dù mới lạ, độc đáo vẫn rất gần gũi với mọi người, vẫn có gốc rễ sâu xa trong tâm thức dân tộc.

Bài 5

Đề bài: Phân tích thái độ của nhân vật Huấn Cao đối với viên quản ngục trong truyện Chữ người tử tù của Nguyễn Tuân.

Chữ người tử tù là truyện ngắn in trong tập Vang bóng một thời, xuất bản năm 1940. Đây là tác phẩm xuất sắc thể hiện rõ nhất quan niệm của Nguyễn Tuân về Cái Đẹp. Huấn Cao, nhân vật chính của truyện là một con người siêu việt, một nhân cách trong sáng. Qua sự thay đổi thái độ của Huấn Cao đối với viên quản ngục, người đọc hiểu rõ hơn tâm hồn phong phú, cao quý của con người tài hoa ấy.

Ngay từ đầu tác phẩm, qua cuộc trao đổi giữa viên quản ngục và thầy thơ lại, Nguyễn Tuân đã giới thiệu Huấn Cao như một nhân vật đặc biệt, ông là người văn võ kiêm toàn, có tài viết chữ Hán nhanh và đẹp nổi tiếng khắp tỉnh Sơn. Huấn Cao bị vua quan coi là kẻ cực kì nguy hiểm, dám cầm đầu “quân phiến loạn” chống lại triều đình.

Vừa có khí phách ngang tàng, vừa tài hoa thông tuệ, Huấn Cao quả là một tử tù đặc biệt. Có lẽ do cảm phục tài năng và nghĩa khí của Huấn Cao qua lời đồn đại nên viên quản ngục đã dành cho ông thái độ ưu ái khác thường. Ngày ngày, viên quản ngục sai thầy thơ lại mang rượu thịt xuống buồng giam tử tù cho Huấn Cao. Trước sự biệt đãi đó, thái độ Huấn Cao có những biến đổi khá phức tạp và chính sự thay đổi đó cho chúng ta hiểu rõ hơn về tâm hồn và tính cách của ông.

Những ngày đầu trong ngục tối, thái độ Huấn Cao hoàn toàn dửng dưng và khinh bạc trước sự săn sóc quá đầy đủ ấy: Suốt nửa tháng, ở trong buồng tối, ông Huấn Cao vẫn thấy một người thơ lại gầy gò, đem rượu đến cho mình uống trước giờ ăn bữa cơm tù với một thái độ cực kì lễ phép: Thầy quản chúng tôi có ít quà mọn này biếu ngài dùng cho ấm bụng. Trong buồng đây lạnh lắm... Ông Huấn Cao vẫn thản nhiên nhận rượu thịt, coi như đó là một việc vẫn làm trong cái hứng sinh bình, lúc chưa bị giam cầm. Đến khi viên quản ngục đích thân xuống buồng giam, lễ độ, cung kính tôn xưng Huấn Cao là người có nghĩa khí và xin ông cho biết có cần gì thêm thì cứ nói để lo cho chu tất thì Huấn Cao đáp lại một cách trịch thượng: Người hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một

điều. Là nhà người đừng đặt chân vào đây. Đó là thái độ bất cần của một người anh hùng khí phách ngang tàng, không khuất phục trước cường quyền: Ông Huấn đã đọ một trận lời đình báo thù và những thủ đoạn tàn bạo của quan ngục bị sỉ nhục. Đến cảnh chết chém, ông còn chẳng sợ nữa là những trò tiểu nhân thị oai này.

Nhưng không như ông Huấn Cao nghĩ, viên quản ngục khi nghe xong câu trả lời, y chỉ lễ phép lui ra với một câu: “Xin lĩnh ý”. Và từ hôm ấy, cơm rượu lại vẫn đưa đến đều đều và có phần hậu hơn trước nữa. Ông Huấn càng ngạc nhiên nữa: năm bạn đồng chí của ông cũng đều được biệt đãi như thế cả.

Nhiều khi, ông bận tâm nghĩ đến sự tươm tất của viên quản ngục và cho rằng hẳn là viên quản ngục muốn dò đến những điều bí mật của ta, nhưng không phải, vì ông đã khai hết bên ti Niết cả rồi. Ngoài thái độ khinh bạc, lạnh lùng, ông Huấn Cao còn phải bận tâm nghĩ đến sự tươm tất của quản ngục.

Giữa chốn ngục tù tăm tối, tấm lòng của viên quản ngục được Nguyễn Tuân ví như thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn, xô bồ. Có lẽ, sự dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quản ngục đã làm Huấn Cao động lòng.

Sự hiểu lầm và thái độ khinh bạc của Huấn Cao đối với viên quản ngục mất hẳn trong một tình huống đầy kịch tính: Một buổi chiều lạnh, viên quản ngục tái nhợt người đi sau khi tiếp đọc công văn. Quan Hình bộ Thượng thư trong Kinh bắt giải ông Huấn Cao và các bạn đồng chí của ông vào Kinh. Pháp trường lập ở trong ấy kia. Ngày mai, tinh mơ, sẽ có người đến giải tù đi. Viên quản ngục vốn đã tin được thầy thơ lại, cho lính gọi lên, kể rõ tâm sự mình. Thầy thơ lại cảm động nghe xong chuyện, nói: “Dạ bẩm, ngài cứ yên tâm, đã có tôi”. Rồi chạy ngay xuống phía trại giam ông Huấn, đẩy cửa buồng giam, hốt hơ hốt hải kể cho tử tù nghe rõ nỗi lòng viên quản ngục, và ngập ngừng báo luôn cho ông Huấn biết việc về Kinh chịu án tử hình.

Sau khi nghe thầy thơ lại hốt hải bày tỏ ước nguyện tha thiết của quản ngục, Huấn Cao đã thay đổi hẳn thái độ. Lúc này, Huấn Cao mới vỡ lẽ vì sao có những hành động đối xử lạ lùng của thầy trò viên quản ngục và đồng thời nhận ra rằng viên quản ngục là

hạng người biết quý Cái Đẹp. Ông Huấn Cao lặng nghĩ một lát rồi mỉm cười: “Về bảo với chủ người, tối nay, lúc nào lính canh trại về nghỉ, thì đem lụa, mực, bút và một bó đuốc xuống đây rồi ta cho chữ.

Chữ thì quý thực. Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà phải ép mình viết câu đối bao giờ. Đời ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy Quản đây lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đi phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ”, ông cảm động thực sự trước viên quản ngục có tấm lòng biệt nhỡn liên tài, biết thưởng thức thú chơi chữ đẹp và trân trọng người sáng tạo ra Cái Đẹp. Trong câu nói của Huấn Cao với thầy thơ lại có chút ân hận và tự trách về sự hiểu lầm trước đó.

Ngay đêm hôm ấy, một cảnh tượng xưa nay chưa từng có đã diễn ra ở chốn ngục tù. Đó là cảnh Huấn Cao cho chữ. Cái ẩm ướt, tăm tối của buồng giam tương phản với vẻ trang trọng, thanh cao của những nét chữ đẹp tươi do Huấn Cao viết ra và sự thăng hoa từ tâm hồn của hai kẻ tri âm. Cũng bởi yêu mến tính cách của viên quản ngục nên Huấn Cao đã dành cho ông ta lời khuyên chân thành và thấm thía: Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi... Thầy Quản nên tìm về nhà quê mà ở đã... Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi.

Lần này là lần thứ tư và cũng là lần cuối cùng trong đời Huấn Cao cho chữ. Ông tự biết giá trị những chữ do mình viết ra là rất quý. Ba lần trước, ông cho chữ ba người bạn thân. Lần này, ông cho chữ kẻ mà trước đây chỉ ít phút, ông căm ghét và khinh miệt. Vậy điều gì đã xảy ra trong tâm hồn ông, khiến ông đi đến quyết định cho chữ quý? Lòng tự trọng của Huấn Cao đã gặp lòng trân trọng của viên quản ngục. Không phải chỉ là sự hiểu biết mà còn là sự thông cảm, hơn nữa là sự kính trọng đã nâng viên quản ngục lên vị trí của một bậc tri kỉ, một tấm lòng liên tài hiếm có trong thiên hạ. Chính điều đó làm cho Huấn Cao cảm động sâu sắc.

Cảnh ông Huấn Cao cho chữ vừa lạ, vừa đẹp như một ảo ảnh, một ánh hào quang không phải của thế giới này mà của cõi nào trong thần thoại – một cảnh tượng xưa nay chưa

từng có: Trong một không khí khói tỏa như đám cháy nhà, ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ. Khói bốc tỏa cay mắt, họ dụi mắt lia lịa. Một người tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang đậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng trên mảnh ván. Người tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thầy thơ lại gầy gò, thì run run bụng chầu mực. Thay bút con, đề xong lạc khoản, ông Huấn Cao thở dài, buồn bã đỡ viên quản ngục đứng dậy và đỉnh đạc bảo:

- Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng với những nét chữ vuông vắn tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người... Tôi bảo thực đấy: Thầy Quản nên tìm về nhà quê mà ở đã, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi.

Lửa đốt cháy rừng rực, lửa rụng xuống nền đất ẩm phòng giam, tàn lửa tắt nghe xèo xèo.

Ba người nhìn bức chằm, rồi lại nhìn nhau.

Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: “Kẻ mê muội này xin bái lĩnh” Lúc trước, ba người chưa hiểu nhau, nhưng trong thời khắc đặc biệt này, họ gặp nhau ở một điểm chung là tấm lòng tha thiết yêu mến và trân trọng Cái Đẹp – Cái Đẹp chữ viết đi đôi với Cái Đẹp tâm hồn.

Sự thay đổi đột ngột trong thái độ của Huấn Cao đối với viên quản ngục là hoàn toàn hợp lý, phù hợp với con người và tính cách của ông. Tại sao trước sự biệt đãi của viên quản ngục, Huấn Cao lại thản nhiên đến lạnh lùng? Có lẽ viên quản ngục là người hiểu ông Huấn hơn cả nên không lấy làm oán thù thái độ của ông Huấn. Y cũng thừa hiểu những người chọc trời khuấy nước đến trên đầu người ta cũng còn chẳng biết là có ai nữa, huống chỉ cái thứ mình chỉ là một kẻ tiểu lại giữ tù. Bản chất ngang tàng, cứng cỏi

của Huấn Cao uy vũ và tiền bạc không sao mua chuộc, lung lạc nổi thì sá gì sự đả ngộ ít ỏi chốn lao tù! Huấn Cao giữ mình bởi ông chưa hiểu gì về viên quản ngục, ông cảnh giác đề phòng những âm mưu, manh khéo thâm độc mà ông từng biết. Hơn nữa, giữa Huấn Cao và viên quản ngục có một khoảng cách rất lớn. Đó là khoảng cách giữa một kẻ tử tù và một kẻ đại diện cho cường quyền, bạo lực. Sâu xa hơn là khoảng cách giữa người tài cao đức trọng và kẻ tài thiếu đức sơ trong bậc thang giá trị. Trong hoàn cảnh ấy, thái độ cao ngạo, khinh bạc ban đầu của Huấn Cao là hợp lí. Thái độ ấy không làm cho viên quản ngục nổi giận mà ngược lại, càng khâm phục và kính nể Huấn Cao hơn. Nếu như Huấn Cao không thay đổi thái độ đối với viên quản ngục thì đến cuối truyện, chắc hẳn vẻ đẹp của hình tượng Huấn Cao không trọn vẹn. Nhưng Nguyễn Tuân đã không làm như vậy mà ông muốn Huấn Cao trở thành biểu tượng của Cái Đẹp toàn thiện toàn mỹ. Khi biết được ước nguyện của viên quản ngục, Huấn Cao đã vô cùng cảm kích. Sự chuyển biến trong thái độ của Huấn Cao cho chúng ta thấy rõ hơn phẩm chất cao thượng của ông. Ngoài tài năng và khí phách hơn người, Huấn Cao còn là một nhân cách lớn, biết nhìn nhận và trân trọng vẻ đẹp tâm hồn, dù vẻ đẹp ấy khuất lấp ở chốn không dành cho nó. Sự thay đổi đột ngột trong thái độ của Huấn Cao là điều dễ hiểu, vì ông đã nhận ra tấm lòng biệt nhỡn liên tài, sự dịu dàng và biết trọng người ngay của viên quản ngục. Mặt khác, Huấn Cao vốn có thiên lương trong sáng, có cái tâm tha thiết với con người, với cuộc đời cho nên sự gặp gỡ, đồng cảm giữa ông và viên quản ngục là điều tất yếu.

Sự thay đổi thái độ của Huấn Cao đối với viên quản ngục có một ý nghĩa quan trọng trong tác phẩm. Qua đó, chúng ta hiểu sâu hơn bản chất cao quý của Huấn Cao. Ngoài tài năng, khí phách, Huấn Cao còn có một tâm hồn đẹp, một nhân cách cao quý. Chiều hướng tích cực trong cách nhìn nhận, đánh giá của Huấn Cao cho thấy viên quản ngục cũng là người đáng nể trọng. Đúng như nhận xét của Nguyễn Tuân, viên quản ngục là thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn, xô bồ. Tấm lòng biệt nhỡn liên tài, ý thức bảo vệ, gìn giữ Cái Đẹp như một báu vật ở đời của viên quản ngục quả là hiếm hoi trong xã hội phong kiến suy tàn thời ấy.

Thái độ của Huấn Cao trước sau có khác: trước cao ngạo, lạnh nhạt, sau thân mật, ân cần nhưng vẫn giữ phong thái đĩnh đạc, ung dung, độ lượng của một bậc chính nhân quân tử đối với nét đẹp trong phẩm cách con người, dù là nhỏ nhất, dù ở hoàn cảnh trở trêu nhất. Thiên truyện chấm dứt bằng lời nói rung rung nghẹn ngào nhiều ý nghĩa của viên quản ngục.

Nguyễn Tuân đã thành công khi đặt hai nhân vật Huấn Cao và viên quản ngục cạnh nhau. Hai nhân vật này bổ sung tính cách và soi sáng cho nhau để tôn vinh giá trị trường tồn của Cái Đẹp trong tác phẩm.

Với tập truyện Vang bóng một thời, Nguyễn Tuân đã đạt được ước nguyện khi tìm về và trân trọng ca ngợi những vẻ đẹp tinh thần truyền thống của dân tộc. Tác phẩm Chữ người tử tù của ông đã để lại dấu ấn không thể phai mờ trong lòng người đọc, trong đó hình tượng Huấn Cao tượng trưng cho vẻ đẹp lí tưởng mà con người tôn thờ và luôn khát khao vươn tới.

Viết Chữ người tử tù, Nguyễn Tuân có ngụ ý sâu xa gì nữa không? Điều chắc chắn là tác giả muốn nói lên nỗi tiếc nuối khôn nguôi của mình đối với một con người tài giỏi, nghĩa khí, một nhân cách lớn lao ở cái thời đất nước suy vong. Đồng thời, ông cũng kín đáo lồng vào đó nỗi đau chung cho cả dân tộc đang trong vòng nô lệ, tất cả những gì tốt đẹp, tài ba trong đời đều bị lũ thực dân, đế quốc chà đạp, vùi dập một cách bạo tàn.

Bài 6

Đề bài: Em hãy viết bài văn phân tích tâm trạng nhân vật trữ tình trong bài thơ Vội vàng của Xuân Diệu.

Niềm say mê thiên nhiên, say mê cuộc sống của Xuân Diệu được thể hiện đầy đủ nhất, cao độ nhất có lẽ là ở bài thơ Vội vàng. Trong cuốn Thi nhân Việt Nam, nhà phê bình, nghiên cứu văn học Hoài Thanh nhận xét: Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh